

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp thuộc
khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội**
(thực hiện điểm d khoản 8 Điều 26 của Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Nghị quyết quy định về hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-BKTNS ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo giải trình, bổ sung số 250/BC-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định về hỗ trợ doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của thành phố Hà Nội.

2. Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm doanh nghiệp không có vốn Nhà nước hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định (sau đây gọi chung là doanh nghiệp).

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Điều kiện doanh nghiệp được hỗ trợ

1. Điều kiện về ngành, nghề được hỗ trợ:

Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội có ngành, nghề kinh doanh chính trong các lĩnh vực sau thuộc đối tượng hỗ trợ:

- a) Lĩnh vực công nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch;
- b) Lĩnh vực giáo dục – đào tạo;
- c) Lĩnh vực y tế;
- d) Lĩnh vực logistics;
- đ) Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2. Điều kiện về đóng góp thuế, phí nộp ngân sách nhà nước:

Doanh nghiệp có đóng góp tích cực, ổn định và tương xứng với quy mô hoạt động vào ngân sách thành phố Hà Nội (mức thuế, phí và các khoản nộp ngân sách thành phố Hà Nội).

3. Điều kiện về kết quả tạo việc làm:

Doanh nghiệp có kết quả tạo việc làm ổn định, bền vững cho người lao động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội, tương xứng với quy mô hoạt động.

4. Điều kiện về thực hiện trách nhiệm xã hội:

Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp bao gồm các hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh gắn với hỗ trợ cộng đồng, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

5. Quy trình, tiêu chí đánh giá các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều này được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ về mặt bằng sản xuất kinh doanh

a) Các doanh nghiệp được hỗ trợ giảm tiền thuê, thuê lại đất đã đầu tư hạ tầng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ như các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Hình thức, trình tự, thủ tục hỗ trợ, cơ chế kiểm soát, xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hỗ trợ về vay vốn

a) Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện vay vốn của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội theo quy định được hưởng mức lãi suất ưu đãi vay vốn từ Quỹ bằng lãi suất tối thiểu do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành để đầu tư máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và tín dụng xuất khẩu, tín dụng theo chuỗi cung ứng, các dự án xanh, tuần hoàn, áp dụng khung tiêu chí về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG);

b) Trình tự, thủ tục hỗ trợ, cơ chế kiểm soát rủi ro tín dụng thực hiện theo quy định về quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội.

3. Hỗ trợ phát triển thị trường quốc tế

a) Hỗ trợ 70% kinh phí tham gia chương trình đào tạo tập huấn tại nước ngoài về thị trường quốc tế, kết nối với các doanh nghiệp lớn quốc tế để tiếp cận thị trường, nguồn vốn và công nghệ quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

b) Hỗ trợ 70% kinh phí thuê địa điểm, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày cho doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại tại thị trường quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/doanh nghiệp/năm;

c) Hình thức, trình tự, thủ tục hỗ trợ, cơ chế kiểm soát, xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 31, Điều 32 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Trường hợp doanh nghiệp đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức hỗ trợ khác nhau trong cùng một nội dung hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì doanh nghiệp được lựa chọn một mức hỗ trợ.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố Hà Nội và các nguồn vốn hợp pháp khác. Việc sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích, nội dung, chế độ và định mức chi theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trường hợp doanh nghiệp không được hưởng hỗ trợ và trách nhiệm bồi hoàn

1. Trong quá trình thực hiện, doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thì không được tiếp tục hưởng hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị quyết này.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm bồi hoàn cho thành phố Hà Nội các khoản đã được nhận hỗ trợ, đồng thời phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

3. Cơ chế giám sát và thu hồi hỗ trợ được thực hiện theo các quy định tại: Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ (đối với chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này); Điều 30, Điều 32 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; khoản 3 Điều 27 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ (đối với chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết này); Điều 30, Điều 32 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Điều 31 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ (đối với chính sách hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này) và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này;

b) Ban hành hoặc giao các cơ quan chuyên môn ban hành hướng dẫn chi tiết về:

Hồ sơ, trình tự, thủ tục triển khai thực hiện chính sách;

Kiểm tra, giám sát, quá trình thi hành chính sách bao gồm cả trách nhiệm giải trình của các cơ quan, tổ chức có liên quan;

Bồi hoàn, xử lý vi phạm trong trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân không trung thực, gian dối trong việc lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ; hoặc không thực hiện đúng quy định trong việc thực hiện chính sách;

c) Chỉ đạo các cấp, các ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thông tin, tuyên truyền, thông báo công khai, rộng rãi nội dung chính sách hỗ trợ, kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện chính sách;

c) Thực hiện các quy định tại điểm d, đ khoản 3 Điều 33 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này;

đ) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm giải trình trong quá trình tổ chức thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội giám sát thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội phối hợp trong công tác tuyên truyền và tham gia giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại các quy định nêu trên được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 15 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận: SU

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc, các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQVN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, VP Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Văn phòng UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS TP Hà Nội;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục

QUY ĐỊNH CHI TIẾT ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Doanh nghiệp thụ hưởng các chính sách hỗ trợ thuộc Nghị quyết này cần đáp ứng các điều kiện bắt buộc được quy định tại mục I và được đánh giá theo thang điểm tại mục II với 03 thành tố: (1) Đóng góp tài chính và thuế cho ngân sách thành phố Hà Nội; (2) Số lượng việc làm và sử dụng lao động cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội; (3) Tác động xã hội, phát triển bền vững. Cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN BẮT BUỘC

STT	Điều kiện bắt buộc
1	Doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm doanh nghiệp không có vốn Nhà nước hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định đang hoạt động liên tục tối thiểu 12 tháng.
2	Doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh chính thuộc một trong các lĩnh vực sau: a) Lĩnh vực công nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch; b) Lĩnh vực giáo dục – đào tạo; c) Lĩnh vực y tế; d) Lĩnh vực logistics; đ) Lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
3	Doanh nghiệp đang không trong tình trạng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; hoặc nợ thuế, phí và các khoản nộp ngân sách nhà nước quá hạn chưa có phương án xử lý được cơ quan thuế chấp thuận.
4	Doanh nghiệp không nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ 02 tháng trở lên tại thời điểm xem xét mà chưa có phương án xử lý.
5	Người đại diện theo pháp luật hoặc doanh nghiệp đang không trong tình trạng bị khởi tố, truy tố, xét xử hoặc đã bị kết án về tội phạm kinh tế, môi trường mà chưa được xóa án tích; hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính nghiêm trọng về môi trường trong 24 tháng gần nhất.

II. ĐÁNH GIÁ 03 THÀNH TỐ

Doanh nghiệp được chấm điểm theo 03 thành tố và đánh giá theo tổng số điểm đạt được, cụ thể như sau:

STT	Tên thành tố	Điểm tối đa
DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ KHI ĐẠT TỔNG SỐ ĐIỂM TỪ 50 TRỞ LÊN		
I	Đóng góp tài chính và thuế cho ngân sách thành phố Hà Nội.	40 điểm
II	Số lượng việc làm và sử dụng lao động cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội.	40 điểm
III	Tác động xã hội, phát triển bền vững.	20 điểm
TỔNG CỘNG		100 điểm

THÀNH TỐ I - ĐÓNG GÓP TÀI CHÍNH VÀ THUẾ CHO NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI (40 điểm)

Mã	Tiêu chí	Thang điểm
I.1	Quy mô nộp ngân sách Thành phố (NSTP) bình quân 3 năm gần nhất (Tổng các sắc thuế: Thu nhập doanh nghiệp + Giá trị gia tăng + Tiêu thụ đặc biệt + các sắc thuế khác) Điểm tối đa: 20 điểm	
1	Tổng mức nộp NSTP đối với nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (doanh thu không quá 50 tỷ/năm).	a) Từ 100 triệu đồng/năm trở lên: 20 điểm b) Từ 50 – 99 triệu đồng/năm: 12 điểm c) Từ 20 – 49 triệu đồng/năm: 6 điểm d) Dưới 20 triệu đồng/năm: 0 điểm
2	Tổng mức nộp NSTP đối với nhóm doanh nghiệp vừa (doanh thu từ 50–200 tỷ/năm).	a) Từ 500 triệu đồng/năm trở lên: 20 điểm b) Từ 200 – 499 triệu đồng/năm: 12 điểm c) Từ 100 – 199 triệu đồng/năm: 6 điểm d) Dưới 100 triệu đồng/năm: 0 điểm
3	Tổng mức nộp NSTP đối với nhóm doanh nghiệp lớn (doanh thu trên 200 tỷ/năm).	a) Từ 1 tỷ đồng/năm trở lên: 20 điểm b) Từ 500 – 999 triệu đồng/năm: 12 điểm c) Từ 200 – 499 triệu đồng/năm: 6 điểm d) Dưới 200 triệu đồng/năm: 0 điểm
I.2	Tốc độ tăng trưởng nộp ngân sách Thành phố (So sánh Tổng mức nộp NSTP của năm gần nhất với bình quân 3 năm trước) Điểm tối đa: 10 điểm	
1	Mức tăng trưởng nộp ngân sách Thành phố.	a) Tăng từ 20% trở lên: 10 điểm b) Tăng từ 10 – 19%: 7 điểm c) Tăng từ 5 – 9%: 4 điểm d) Tăng từ 1 – 4%: 2 điểm đ) Không tăng hoặc giảm: 0 điểm

I.3	Tuân thủ nghĩa vụ thuế Điểm tối đa: 10 điểm	
1	Mức độ tuân thủ kê khai và nộp thuế đúng hạn trong 12 tháng gần nhất.	a) Nộp đúng hạn, không vi phạm: 10 điểm b) Vi phạm hoặc bị xử phạt: 0 điểm
TỔNG THÀNH TỐ I		Tối đa 40 điểm

THÀNH TỐ II - SỐ LƯỢNG VIỆC LÀM VÀ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (40 điểm)

Mã	Tiêu chí	Thang điểm
II.1	Quy mô lao động tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc trên địa bàn thành phố Hà Nội (Bình quân 12 tháng gần nhất) Điểm tối đa: 15 điểm	
1	Tổng số lao động tham gia BHXH đối với nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (Không quá 100 lao động tham gia BHXH/tháng).	a) Từ 50 – 100 lao động trở lên: 15 điểm b) Từ 10 – 49 lao động: 10 điểm c) Từ 05 – 09 lao động: 5 điểm d) Dưới 05 lao động: 0 điểm
2	Tổng số lao động tham gia BHXH đối với nhóm doanh nghiệp vừa (Không quá 200 lao động tham gia BHXH/tháng).	a) Từ 100 – 200 lao động trở lên: 15 điểm b) Từ 50 – 99 lao động: 10 điểm c) Từ 20 – 49 lao động: 5 điểm d) Dưới 20 lao động: 0 điểm
3	Tổng số lao động tham gia BHXH đối với nhóm doanh nghiệp lớn (Từ 200 lao động tham gia BHXH/tháng trở lên).	a) Từ 200 lao động trở lên: 15 điểm b) Từ 100 – 199 lao động: 10 điểm c) Từ 50 – 99 lao động: 5 điểm d) Dưới 50 lao động: 0 điểm

Mã	Tiêu chí	Thang điểm
II.2	Tăng trưởng việc làm trên địa bàn thành phố Hà Nội (So sánh số lao động tham gia BHXH năm gần nhất với năm liền kề trước) Điểm tối đa: 10 điểm	
1	Tốc độ tăng lao động tham gia BHXH theo năm.	a) Tăng từ 20% trở lên: 10 điểm b) Tăng từ 10 – 19%: 7 điểm c) Không giảm hoặc tăng dưới 10%: 4 điểm d) Giảm: 0 điểm
II.3	Doanh nghiệp do nữ làm chủ hoặc sử dụng lao động thuộc nhóm lao động ưu tiên trên địa bàn thành phố Hà Nội Điểm tối đa: 15 điểm	
1	Là doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ hoặc sử dụng nhiều lao động nữ. a) Doanh nghiệp do nữ làm chủ là doanh nghiệp có một hoặc nhiều phụ nữ sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên, trong đó có ít nhất một người quản lý điều hành doanh nghiệp đó. b) Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ là doanh nghiệp có số lao động nữ chiếm từ 50% trở lên đối với doanh nghiệp sử dụng dưới 100 lao động; chiếm từ 30% trở lên đối với doanh nghiệp sử dụng từ 100 lao động trở lên.	a) Đáp ứng tiêu chí: 5 điểm b) Không đáp ứng tiêu chí: 0 điểm
2	Tỷ lệ sử dụng người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật, người cao tuổi, người chấp hành xong hình phạt tù, người sau cai nghiện ma túy, lao động nông thôn, lao động có đất thu hồi, lao động hưởng bảo hiểm thất nghiệp, thanh niên.	a) Tỷ lệ sử dụng từ 20% trở lên: 10 điểm b) Tỷ lệ sử dụng từ 10 – 19%: 5 điểm c) Tỷ lệ sử dụng từ 01 – 10%: 2 điểm d) Không sử dụng: 0 điểm
	TỔNG THÀNH TỔ II	Tối đa 40 điểm

**THÀNH TỐ III - TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(20 ĐIỂM)**

Mã	Tiêu chí	Thang điểm
III.1	Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp Điểm tối đa: 10 điểm	
1	Hoạt động an sinh xã hội, từ thiện, hỗ trợ cộng đồng có chứng từ xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.	a) Có hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội duy trì từ 2 năm liên tiếp: 10 điểm b) Có hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội trong 12 tháng gần nhất: 5 điểm c) Không có hoạt động thực hiện trách nhiệm xã hội trong 12 tháng gần nhất: 0 điểm
III.2	Chứng nhận môi trường và phát triển bền vững (ESG) Điểm tối đa: 10 điểm	
1	Chứng nhận môi trường và phát triển bền vững còn hiệu lực (<i>ISO 14001, ISO 45001, SA 8000, nhãn xanh Việt Nam, ESG rating... hoặc tương đương</i>).	a) Có từ 2 chứng nhận trở lên: 10 điểm b) Có 1 chứng nhận: 5 điểm c) Không có chứng nhận: 0 điểm
TỔNG THÀNH TỐ III		Tối đa 20 điểm